

Bản án số: 2376/2025/DS-ST
Ngày: 10 - 12 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Ngọc
- Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Quyết Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8-Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 438/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 735/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 648/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q (V); Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt), tầng 2, tòa nhà S - A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đảng Như N; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. (Giấy ủy quyền ngày 03/11/2025) (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phan Thanh S, sinh năm 1995; Địa chỉ: C Đường B, Ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 08/5/2025, tại các bản tự khai, các biên bản không tiến hành hoà giải được và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đảng Như N trình bày: Ngân hàng TMCP Q (V) – V cấp tín dụng cho ông Phan Thanh S, chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng số 7520453.20 ngày 14/04/2020 số tiền vay: 250.000.000 đồng; Mục đích vay: sửa chữa nhà, mua sắm trang thiết bị gia đình; Thời hạn vay: 180 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân:

11.9%/năm, lãi suất này sẽ được V chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.5%/năm.

Hợp đồng tín dụng số 4106875.21 ngày 29/11/2021 số tiền vay: 175.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng có TSBD; Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 11,7%/năm, lãi suất điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,3%/năm.

Hợp đồng tín dụng số 9824647.23 ngày 13/06/2023 số tiền vay: 286.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất vay: 12%/năm cố định trong suốt thời hạn vay.

Hợp đồng tín dụng số 6562357.20 ngày 23/03/2020 số tiền vay: 1.500.000.000 đồng; Mục đích vay: Bu đắp tiền nhận chuyển nhượng BĐS; Thời hạn vay: 360 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 10,4%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và áp dụng trong 12 tháng đầu tiên. Sau đó lãi suất điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%.

Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 145, tờ bản đồ số: 74, địa chỉ phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CU018432, số vào sổ cấp GCN: CS04052 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 20/01/2020, đứng tên ông Phan Thanh S. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2409, Quyền số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 24/03/2020 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho V.

Ngày 25/3/2020, V đã giải ngân cho ông Phan Thanh S với số tiền 1.500.000.000 đồng, theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ (KUNN) số 9504519.20 theo đúng yêu cầu của ông Phan Thanh S và phù hợp với quy định tại HĐTD.

Ngày 16/4/2020, V đã giải ngân cho ông Phan Thanh S với số tiền 250.000.000 đồng, theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ (KUNN) số 6896207.20 theo đúng yêu cầu của ông Phan Thanh S và phù hợp với quy định tại HĐTD.

Ngày 15/12/2021, V đã giải ngân cho ông Phan Thanh S với số tiền 134.800.000 đồng, theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ (KUNN) số 4106875(1).21;

Ngày 01/3/2022, V đã giải ngân cho ông Phan Thanh S với số tiền 40.200.000 đồng, theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ (KUNN) số 4106875(2).21 theo đúng yêu cầu của ông Phan Thanh S và phù hợp với quy định tại HĐTD.

Ngày 20/6/2023, V đã giải ngân cho ông Phan Thanh S với số tiền 286.000.000 đồng, theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ (KUNN)

số 9824647(1).23 theo đúng yêu cầu của ông Phan Thanh S và phù hợp với quy định tại HĐTD.

Trong thời gian thực hiện HĐTD, ông Phan Thanh S đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến thời điểm 10/12/2025, ông Phan Thanh S chỉ trả được 305.968.632 đồng tiền gốc và tiền lãi là 744.853.141 đồng. Mặc dù V đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ, nhưng ông Phan Thanh S vẫn không trả nợ. Khoản nợ của ông Phan Thanh S đã chuyển sang quá hạn từ ngày 25/12/2023. Tạm tính đến ngày 10/12/2025, ông Phan Thanh S còn nợ V với tổng số tiền là 2.914.365.884 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.905.031.368 đồng; Nợ lãi: 56.575.038 đồng; Tổng lãi phạt (lãi quá hạn + Lãi chậm trả): 952.759.478 đồng.

Phân yêu cầu của nguyên đơn:

1/ Buộc ông Phan Thanh S phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 10/12/2025 là: 2.914.365.884 (Hai tỷ, chín trăm mười bốn triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi bốn) đồng.

2/ Ông Phan Thanh S còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/12/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả VIB theo quy định tại hợp đồng tín dụng (HĐTD) và hợp đồng thế chấp (HĐTC).

Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Phan Thanh S không trả được toàn bộ khoản nợ thì VIB được tự mình và/hoặc có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công chứng số: 2409, Quyền số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD do văn phòng C, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 24/03/2020 (“TSTC”) theo HĐTC.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả Khoản nợ của ông Phan Thanh S với V. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì ông Phan Thanh S vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà trong suốt quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án: Đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn ông Phan Thanh S đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và giấy triệu tập mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện nộp ngày 08/5/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (V) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Thanh S phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/12/2025 là 2.914.365.884 (Hai tỷ chín trăm mười bốn triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi bốn) đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Phan Thanh S có nơi cư trú tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 10/12/2025 là 2.914.365.884 (Hai tỷ chín trăm mười bốn triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi bốn) đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.905.031.368 đồng; Nợ lãi trong hạn là 56.575.038 đồng và nợ lãi phạt (lãi quá hạn + lãi chậm trả) là 952.759. 478 đồng.

Xét tính hiệu lực của các Hợp đồng tín dụng số 7520453.20 ngày 14/04/2020, số 4106875.21 ngày 29/11/2021, số 9824647.23 ngày 13/06/2023 và số 6562357.20 ngày 23/03/2020 được xác lập giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Phan Thanh S, tại thời điểm ký kết Hợp đồng, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng và các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn

tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên. Các bên có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ đã ký kết trong Hợp đồng.

Về nội dung của các Hợp đồng tín dụng số 7520453.20 ngày 14/04/2020, số 4106875.21 ngày 29/11/2021, số 9824647.23 ngày 13/06/2023 và số 6562357.20 ngày 23/03/2020 được xác lập giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Phan Thanh S thể hiện, sau khi ký các Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông S tổng số tiền như thỏa thuận, tuy nhiên ông S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận theo các Hợp đồng, cụ thể đến ngày 25/12/2023 ông S đã trả được cả gốc lẫn lãi là 744.853.141 đồng thì ngưng không trả tiếp do vậy Ngân hàng đã chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nhở, tạo điều kiện thuận lợi cho ông S nhưng vẫn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Đồng thời, để đảm bảo khoản vay, các bên đương sự thỏa thuận ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 2409, Quyền số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 24/03/2020. Do ông Phan Thanh S vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 145, tờ bản đồ số: 74, địa chỉ phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CU018432, số vào sổ cấp GCN: CS04052 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 20/01/2020 cho ông Phan Thanh S. Đồng thời, căn cứ vào biên bản thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2025 đối với phần quyền sử dụng đất thuộc thửa số: 145, tờ bản đồ số: 74, địa chỉ phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) kết quả như sau: Trên thửa đất số 145, tờ bản đồ số: 74 diện tích 244,3m² tọa lạc tại số B N, M, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh có căn nhà cấp 4, kết cấu tường gạch xây tô 02 mặt, nền gạch ceramic, mái tole, phía trước nhà có sân xi măng, tiếp giáp mặt đường trải nhựa hiện do ông Phan Thanh S đang quản lý sử dụng.

Do đó, Hợp đồng thế chấp được ký giữa Ngân hàng và ông S là hoàn toàn tự nguyện, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viên kiểm sát nhân dân khu vực H – Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần đất thế chấp là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng, do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu chi phí là phù hợp, Ngân hàng TMCP Q đã tạm ứng chi phí tố tụng nên buộc ông S có trách nhiệm trả lại cho V số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025); các Điều 357, 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật các Tổ chức tín dụng; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

[1.1] Buộc ông Phan Thanh S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 10/12/2025 là 2.914.365.884 (Hai tỷ chín trăm mười bốn triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi bốn) đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.905.031.368 (Một tỷ chín trăm lẻ năm triệu không trăm ba mươi một ngàn ba trăm sáu mươi tám) đồng, nợ lãi trong hạn là 56.575.038 (Năm mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn không trăm ba mươi tám) đồng và nợ lãi phạt (lãi quá hạn + lãi chậm trả) là 952.759.478 (Chín trăm năm mươi hai triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi tám) đồng.

Thanh toán một lần và thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 11/12/2025, ông Phan Thanh S phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 7520453.20 ngày 14/04/2020, số 4106875.21 ngày 29/11/2021, số 9824647.23 ngày 13/06/2023 và số 6562357.20 ngày 23/03/2020 được xác lập giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Phan Thanh S.

[1.2] Ngay sau khi ông Phan Thanh S thanh toán hết tiền nợ trên thì Ngân hàng TMCP Q có trách nhiệm trả lại cho ông Phan Thanh S Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CU018432, sổ vào sổ cấp GCN: CS04052 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 20/01/2020.

[1.3] Trường hợp ông Phan Thanh S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ tín dụng nêu trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 145, tờ bản đồ số: 74, địa chỉ phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CU018432, sổ vào sổ cấp GCN: CS04052 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 20/01/2020 cho ông Phan Thanh S.

[1.4] Trường hợp sau khi phát mãi mà giá trị phát mãi nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Phan Thanh S đối với Ngân hàng TMCP Q thì ông S có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong.

[1.5] Trường hợp sau khi phát mãi mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Phan Thanh S đối với Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng phải hoàn trả phần giá trị còn lại (của tài sản bị phát mãi) cho chủ tài sản bị phát mãi.

[2] Về chi phí tố tụng và Án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1] Về chi phí tố tụng, buộc ông Phan Thanh S có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng Q (V) số tiền là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

[2.2] Án phí dân sự sơ thẩm là 90.287.318 (Chín mươi triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn ba trăm mười tám) đồng buộc ông Phan Thanh S phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q (V) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.138.031 (Ba mươi một triệu một trăm ba mươi tám ngàn không trăm ba mươi một) đồng theo biên lai thu số 0064638, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.803.352 (Tám triệu tám trăm lẻ ba ngàn ba trăm năm mươi hai) đồng theo biên lai thu số 0064637, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.752.329 (Hai triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn ba trăm hai mươi chín) đồng theo biên lai thu số 0064636 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.098.672 (Sáu triệu không trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi hai) đồng theo biên lai thu số 0064635 ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Thơ